

Số: 2-H /BVC-VTTB

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 3 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện C Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu mua bổ sung vật tư y tế, hóa chất lần 1 năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện C Đà Nẵng, địa chỉ: Số 122 đường Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

KS. Đặng Hữu Quý, SĐT: 0905 188 219, email: vattubvc@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại: Phòng Văn Thư - Bệnh viện C Đà Nẵng, địa chỉ: Số 122 đường Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng trong giờ hành chính, các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu.

- Địa chỉ email: vattubvc@gmail.com nhận file mềm và bản scan.

4. Thời hạn nhận báo giá từ 8h00phút ngày 06 tháng 3 năm 2024 đến trước 16h30phút ngày 15 tháng 3 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu: 90 ngày kể từ ngày phát hành.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư tiêu hao, hóa chất: Chi tiết bảng mô tả đính kèm **phụ lục 1**.

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển cung cấp như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện C Đà Nẵng, địa chỉ: Số 122 đường Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Hàng hóa được giao mới 100% chưa qua sử dụng được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

1. Thời gian giao hàng dự kiến:

Giao hàng từng đợt theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện C Đà Nẵng, thời gian giao hàng dự kiến 72 giờ và trong trường hợp khẩn cấp 24 giờ.

2. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.

- Thanh toán theo từng đợt.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

- a. Báo giá theo mẫu **Phụ lục 2** đính kèm thông báo này.
- b. Các hãng sản xuất nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa báo giá bằng giá hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ bệnh viện Hoặc email quy định tại khoản 3 mục 1 yêu cầu báo giá.
- c. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện Quy định tại khoản 3 mục I - Yêu cầu báo giá, các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có bản mềm và bản scan của hồ sơ báo giá theo quy định tại thời điểm a, b khoản 5 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4 mục I - Yêu cầu báo giá; bản giấy phải được gửi về Bệnh viện C Đà Nẵng chậm nhất sau 3 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tiếp nhận báo giá.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, VTTB

GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Trọng Thiện

PHỤ LỤC I

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC MUA BỔ SUNG VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT LẦN 1 NĂM 2024
(Đính kèm Yêu cầu báo giá số: 274/BVC-VTTĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Bệnh viện C Đà Nẵng)

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bàn danh tay phẫu thuật viện	Đóng nhiều lần, nắp nội trùng được bằng nhiệt.		cái	20
2	Chỉ Polyglucan 7/0 (vicryl) hoặc tương đương	Số 7 kim tròn 1/2C, loại tự tiêu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	12 sợi/hộp	Sợi	12
3	Kim kích thích điện hai năng nhỏ 26G, L50	Kích cỡ: 26G, dài 50mm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		cái	15
4	Lọ đựng bệnh phẩm (100ml)	Nhựa PS trắng trong		cái	900
5	Đĩa petri thủy tinh Đk 9cm	Chất liệu: thủy tinh, không mờ không xước. - Đường kính khoảng 9cm, cao 15mm - Vô trùng		cái	650
6	Tấm bông vô trùng lấy bệnh phẩm	Chất liệu: bông, nắp, que bằng nhựa, lõi cotton, chiều dài sợi dầy 150mm, tiết trắng bằng EO Gas. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	100 Que/ gói	Que	2.500
7	Túi laser	Màng PP, PE. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		cái	550
8	Túi nilon vô trùng học máy C-Arm	Màng PP, PE. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		cái	50
9	Túi nilon vô trùng màu trắng bọc kính hiển vi phẫu thuật	Kích thước: 120cm x 170cm. Màng PP, PE. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		cái	100
10	Túi đựng oxy (10 lít)	Túi đựng trữ oxy 10 lít. Được làm bằng cao su y tế hoặc nylon không độc, dễ dàng để làm sạch, an toàn, bền.		cái	20
11	Vòng cao thất trữ	Đựng trong thất trữ làm bằng chất liệu cao su y tế chất lượng cao.	H/100	Hộp	7
12	Cồn tuyệt đối	Trong, không lẫn cặn, đảm bảo được độ cồn (99 ± 0,5)		Lit	60
13	Test hóa học kiểm soát tiệt trùng hơi nước	Thiết kế dạng que giấy dài có vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch mực chuyển từ trắng qua đen sau khi quá trình xử lý tiệt trùng hơi nước. Sử dụng với nhiệt độ hấp 121°C hoặc 134°C. Thành phần không chứa Chỉ gly độc hại.	100 miếng/ hộp	miếng	2.100
14	Dung dịch xir đông ngoài để chống loét	Thành phần gồm: capitolinol 60 + acid linolenique + acid palmitique. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		ly	4
15	Chỉ cơ nướu (nhà khoa)	1. Làm từ 100% các sợi cotton đan vào nhau với một kết cấu đặc biệt và tinh khiết, không ngâm tẩm hóa chất. 2. Khả năng hấp thụ chất lỏng (dịch nước, máu) cao hơn 30% so với các loại chỉ cơ nướu khác. 3. Hộp 330cm. 4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2006, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.		Cuộn	1
16	Chỉ nha khoa	Đường kính nhỏ, dễ trượt qua kẽ răng, kể cả những kẽ răng hẹp, không dễ bị tưa khi sử dụng. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương, tách kẽ răng sau khi trám thẩm mỹ, dài 50cm		Cuộn	12
17	Chỉ dính bóng (nhà khoa)	Chỉ dính bóng sau khi cao với răng, tiêu chuẩn CE hoặc tương đương.		Cái	60
18	Dung dịch bơm rửa ống tụy	Dung dịch bơm rửa ống tụy có tính chất đệm, ổn định độ pH. Không khuẩn tể, phổ diệt khuẩn rộng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		tuyp	5
19	Dung dịch làm mềm côn	Dung môi gốc d-limonene để lấy gatta porcha trong tái điều trị tụy. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		ly	2
20	Trâm đưa ống tụy cao xi hóa	Trâm ga đa số, dùng để loại bỏ mô tụy trong quá trình điều trị. Kích cỡ: 10, 15, 20, 25, 30, 35. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	50
21	Bộ nạo túi nha chu	Chất liệu: inox hoặc tương đương. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	7 cây	Bộ	2

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
22	Bộ kit trám xoang II	Gồm 01 khay và 05 cây trộn xoang với các kích thước mũi khác nhau, phù hợp với chỉ định điều trị của bác sĩ. Mỗi cây trộn đều có 2 đầu: đầu tròn- đầu dẹp, đầu mô vật, đầu tròn hoặc đầu dẹp. Tay cầm bằng thép không gỉ, dễ dàng sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2006, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.		bộ	1
23	Thuốc nội nha	Thuốc đo trám nội nha. Chất liệu nhựa. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	10
24	Nay chân răng	Dùng để nạy chân răng. Có kích thước đường kính phần nạy khác nhau, đầu thẳng hoặc đầu cong, phù hợp với nhiều chỉ định của bác sĩ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2006, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.		cái	10
25	Mũi đánh bóng composite	Chất liệu: đá. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	10
26	Vật liệu trám bit MTA hoặc tương đương	Thành phần bao gồm xi măng sữa chứa tổng hợp trisilicat khoáng sản. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		tuyp	5
27	Côn giấy các cỡ	Thẩm hút dịch/nước trong ống tùy khi cần soạn và bơm rửa. Được vô trùng, kích thước quy định theo mã màu. 200 cái/hộp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2006, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.	200 cái/ hộp	hộp	16
28	Đai nhám kê	Sợi nhám kê siêu mỏng nhưng rất chắc chắn. Bền chắc đeo dai với nhiều độ mịn khác nhau. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		gói	5
29	Kẹp giấy cùn	Kẹp giấy cùn, dài 140mm - 155mm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	4
30	Khăn giấy sát khuẩn nhanh (vệ sinh dụng cụ nha khoa)	Dạng gói bịch có chứa 0,5% Chloroxidine Acetate. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	200 tờ/ hộp	hộp	10
31	Bêo ceramic sealer trám bit ống tủy	Cement trám bit ống tủy vĩnh viễn với tính tương hợp sinh học cao. Độ pH cao của Calcium Hydroxide (Ca(OH) ₂). CeraSeal có khả năng kháng khuẩn cao giúp hạn chế tối đa sự hình thành của vi khuẩn trong ống tủy. Không co, không giãn nở. Độ cân quang can. Hộp 2g. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2006, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.		ống	3
32	Đai cao su đánh bóng	Cao su đánh bóng, tiêu chuẩn CE hoặc tương đương.		cái	80
33	Kim nong ống tủy (reamer)	Hộp kim không gỉ ISO 13485-2003		cái	600
34	Kim gai lấy tủy	Hộp kim không gỉ ISO 13485-2003		cái	500
35	Mặt gương nha khoa	Phần vỏ bọc kim loại, mặt gương sáng bóng dễ dàng thao tác. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	80
36	Ống hút nước bọt	Ống hút làm bằng nhựa, sử dụng để hút nước bọt trong nha khoa		cái	3.200
37	Ống hút phẫu thuật	Ống hút làm bằng nhựa dẻo được tiệt trùng		cái	63
38	Que lấy chất hàn 2 đầu	Que đưa chất hàn răng vào ống tủy với chuỗi bằng thép không gỉ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	30
39	Tăm bôi keo	Cọ tăm bằng sợi nhỏ đồng để quét keo dán nha khoa sử dụng một lần. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	100 cái/ hộp	hộp	4
40	Chất lấy dầu (stingate)	Chất liệu bột chuyên dụng, trộn với nước để lấy dầu răng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		gói	40
41	Cao su lấy dấu lỏng	Độ đàn hồi tốt, tính chảy tốt, hộp 2 tờ hoặc tương đương		cặp	12
42	Cao su lấy dấu đặc, vón	Độ cứng cao, hình thái bền vững, hộp: 2 hạt nắn và chất xúc tác		Cặp	12
43	Composite lỏng	Độ nhớt thấp, tính cơ học cao, không chảy lan nhưng vẫn chảy dễ dàng		Lọ	12

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
44	Composite đặc màu A1,A2,A3,A3.5	Là vật liệu composite quang trùng hợp, mang lại những lợi thế đáng kể về tính thẩm mỹ, khả năng đánh bóng, khả năng chống mài mòn và độ bền gãy. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Ống	22
45	Ciment trám răng hàm (Fuji IX)	Cement trám hoàn hảo (15g+ 1g). Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cặp	24
46	Ciment gắn cầu, gắn mão	Vật liệu trám glass ionomer cân quang dành cho răng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		lọ	4
47	Calcium hydroxide (nha khoa)	Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tủy. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Lọ	8
48	Costinof (nha khoa)	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Lọ	8
49	Eiching	Dùng cho nha khoa, dùng để làm xít mòn bề mặt răng và men răng tạo độ nhám. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		ống	4
50	Eugenol (nha khoa)	Tiêu chuẩn là dầu Eugenol dùng phối trộn với axit kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Lọ	8
51	Gutta percha (nha khoa)	Loại có khối. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	120 cây/ hộp	hộp	48
52	Lentulo (nha khoa)	Dụng cụ nhỏ, có khối. Được dùng với tay khoan khuấy. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	250
53	Ponding (keo dán Composite)	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		lọ	6
54	Thuốc đánh bóng	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	120
55	Bơm tiêm nha khoa sắt	Chất liệu inox hoặc tương đương. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	13
56	Bẫy nhỏ răng các loại	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	30
57	Bẫy áp lực răng giả	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	2
58	Cán gương	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	20
59	Cây xạ ngà	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	7
60	Cây xạ xương ổ	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	5
61	Khay lấy dấu nhựa	Chất liệu: nhựa. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	20
62	Đai trám kim loại	Chất liệu: hợp kim không gỉ, sử dụng trong trám răng.		cái	12
63	Glyde bôi trơn ống tủy	Bôi trơn, giúp giảm nguy cơ gãy dụng cụ trong ống tủy, rửa sạch hoàn toàn ống tủy.		lọ	3
64	Mũi khoan kim cương nha khoa các loại (loại FG)	Làm bằng hợp kim đầu tác dụng phủ hạt kim cương dùng mài răng. tiêu chuẩn ISO 13485-2003		Cái	100
65	Mũi khoan cắt xương (loại Hp, FG)	Làm bằng hợp kim không gỉ. tiêu chuẩn ISO 13485-2006		Cái	40
66	Mũi khoan Gates (nha khoa) hoặc tương đương	Làm bằng hợp kim không gỉ. tiêu chuẩn ISO 13485-2007		cái	20
67	Mũi khoan Endo-Z (nha khoa) hoặc tương đương	Làm bằng hợp kim không gỉ. tiêu chuẩn ISO 13485-2008		Cái	30
68	Kẹp gấp nha khoa	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương. Dùng để kẹp bông, gạc. Có thể hấp được.		cái	20
69	Kềm bấm xương ổ	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương.		cái	3
70	Kềm bế móc nha khoa	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương. Dùng kim lớn, dùng để uốn, bế dây cung hỗ trợ trong chỉnh nha.		cái	4
71	Kềm nhổ răng các loại	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương. Kềm nhổ răng hàm trên có có thẳng tay hình lưỡi liềm, kềm nhổ răng hàm dưới có có vuông.		cái	10

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
72	Bộ lên dọc	Thiết kế 2 đầu đũa đảo. Chất liệu đầu lên: thép không gỉ hoặc tương đương. Ngăn hiện tượng xoay, trượt cây lên.		cái	2
73	Cây tách mô	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương. 2 đầu tách hướng ngang và hướng dọc.		cái	2
74	Cục cầm nha khoa	Chất liệu: Nhựa dẻo cao cấp. Dùng trong nha khoa, kết hợp gắn với ống hút nước bọt.		cái	5
75	Chức sợi thủy tinh các cỡ	Mỗi size sẽ có 1 loại mũi khoan chuyên biệt. Đường kính: 1.25mm, 1.375mm, 1.5mm, 1.75 mm có mã màu để nhận biết.		cái	42
76	Mũi khoan chốt sợi	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương. Độ bền cao và sắc. Đầu mũi tương ứng với mũi trên chốt.		cái	20
77	Khay lấy dấu mất răng toàn hàm	Chất liệu: Nhựa. Phù hợp cho việc lấy dấu răng với việc đã mất răng.		cái	10
78	Thép buxer hàm	Chất liệu: Hợp kim không gỉ, dùng để buxer hàm.		Cuộn	3
79	Thảm chôn nha khoa 2 đầu	Hợp kim không gỉ, đạt tiêu chuẩn ISO 13485-2003		cái	30
80	Trần nối nha máy điều trị tủy	Trần bằng thép không gỉ - cho kết quả điều trị hiệu quả, dễ dàng và nhanh chóng. Có độ sâu ren tăng dần. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	3 cây/ hộp	Hộp	20
81	Outta percha trần máy các cỡ	Trần máy các cỡ	120 cây/ hộp	hộp	20
82	Tã bô	Thuốc tẩy sử dụng cho nha khoa		lọ	4
83	Cồn gấy trám máy	Cồn giấy, size 3504	100 cây/ hộp	hộp	20
84	Tube Eppenker 2ml vô trùng	Thể tích: 2ml. Chất liệu: PP độ trong suốt cao. Nhiệt độ làm việc từ -80°C đến 121°C không bị biến dạng.		Cái	1.300
85	Tube ly tâm có nắp không 0.2ml màu trắng đục	Chất liệu: Nhựa PP, dung tích 0,2ml, có nắp. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	1000 cái	Hộp	2
86	Chỉ thăm mỷ Bio Meylan hoặc tương đương	Chỉ tan, chiều dài chỉ 70mm, chiều dài kim 50mm. Dùng được trong thăm mỷ và điều trị bệnh. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Sợi	10
87	Dụng cụ lọc khuẩn cho máy đo hô hấp kỹ thuật toàn thân(body)	Kích thước (cao x rộng): 84.65 x 97.7 mm Đường kính trong (điểm kết nối với cảm biến): 30 mm. Hiệu quả lọc tối đa 0,027 um Lọc khuẩn BEF 99,9999% Lọc virus VTE 99,9999% hoặc tương đương.		Cái	100
88	Cidex dùng để ngâm tiệt trùng dụng cụ nội soi (50% Acetylcaproactam + 30% Hydrogen peroxyd sau khi hoạt hóa tạo thành peracetic acid 1500ppm-900ppm)	50% Acetylcaproactam + 30% Hydrogen peroxyd sau khi hoạt hóa tạo thành peracetic acid 1500ppm-900ppm. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương.	50can	Can	37
89	Eosin	Hóa chất dùng để xét nghiệm mô bệnh học	6 lọ/hộp	Hộp	2
90	Hematoxylin	Hóa chất dùng để xét nghiệm mô bệnh học	12 lọ/hộp	Hộp	2
91	Catheter động mạch đùi có đầu nhận cảm biến áp lực và nhiệt độ	Thiết kế gọn nhẹ, chống tràn, và thân thiện với người sử dụng	01 cái/ hộp	Cái	6
92	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	Theo dõi huyết áp động mạch đáng tin cậy, Theo dõi cung lượng tim chính xác cùng với catheter PICCO, Cảm biến áp lực được thiết kế trong suốt để dễ dàng kiểm tra. Chất liệu: Polycarbonate (PC), Polyethylene (PE), Silicone (SI), Polyvinylchlorid (PVC), ABS, Hệ thống xả: Tốc độ 3ml/h với áp lực 100mmHg trong túi xả (và nhanh > 2ml/h). Chiều dài dây đo huyết áp màu đỏ dài 150cm	01 cái/ hộp	Cái	6
93	Áo làm lạnh cho người lớn (KT hạ thân nhiệt chỉ huy)	Kích thước: Trên 135 cm. Áo làm lạnh dùng 1 lần. An toàn cho bệnh nhân: An toàn với MRI, CT, XRay, phòng cao thiệp và máy sốc tim		Cái	2
94	Điện cực dẫn dùng cho máy chẩn đoán sơ vừa động mạch	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	40
95	Điện cực dẫn CNDDT (máy điện cơ)	Có độ dính tốt, diện tích miếng dán nhỏ	12 cái/ gói	Cái	70
96	Điện cực kim 26Gx1.3" hay 26Gx2.0"	Đài 1,5"-2", đường kính 26G(0.46mm). Lớp phủ Silicone và siêu sắc, với thiết kế 3 đầu nhọn. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp/25 Cây	Cây	30

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
97	Giấy in phim Sony 210mmx25m dùng theo máy C-Arn Cim hoặc tương đương	Kích thước giấy: 210mmx25m. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cuộn	16
98	Dây nối điện cực	1 đầu dây có gắn kết nối máy chính, đầu dây còn lại có cổng 4 lỗ để cắm điện cực. Dây có lõi kim loại dẫn điện, ngoài bọc nhựa tổng hợp.		Dây	10
99	Điện cực su các cô	Chất liệu: Sa. Dùng trên nền keo acrylate		Cái	20
100	Giấy in ảnh màu một mặt A4	Độ phân giải: 5760 dpi Cỡ giấy: A4 (210 x 297mm) Đặc tính in: 1 mặt, 2 mặt	115gms, 210x297mm, 5760dpi	ram	50
101	Cáp đơn cực nối sợi	Dây cáp đơn cực. Dài >3m. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Dây	1
102	Cáp lưỡng cực	Dây cáp lưỡng cực. Dài >3m. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Dây	3
103	Dao cắt đốt lưỡng cực không dính	Dùng cho máy phẫu thuật cắt đốt điện. Đầu cách điện toàn bộ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	1 cái/gói	Cái	1
104	Đầu đốt polyp mũi dùng theo máy coblator	Đầu đốt lưỡng môi bằng công nghệ Plasma dùng cho máy Coblator. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	5
105	Đầu đốt amidan dùng theo máy coblator	Đầu đốt amidan và tạo VA dùng cho máy Coblator. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	3
106	Đầu đốt cuốn mũi đơoi	Đầu đốt lưỡng môi bằng công nghệ Plasma dùng cho máy Coblator - Đường kính đầu ch 2,9mm, được thiết kế có đường nước đi làm giảm phi đại niêm mạc mũi		cái	6
107	Níp van su hình phễu dùng cho troca 5.5 mô nối sợi	Chất liệu cao su, hình phễu đường kính 5mm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	20
108	Níp van su hình phễu dùng cho troca 10	Chất liệu cao su, hình phễu đường kính 10mm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	10
109	Dụng cụ khâu nối tròn ống tiêu hóa (dụng cụ cắt nối tự động) (Circular stapler)	Dụng cụ khâu nối tròn 25/29/33mm, đường kính ống cắt 20.4mm, điều chỉnh chiều cao kim đóng từ 1mm-2.5mm, kim bằng titanium alloy		Cái	5
110	Dụng cụ khâu nối thẳng ba hàng ghim cỡ 30-40-60-90mm, dùng trong mổ h	Dụng cụ khâu nối thẳng dùng trong phẫu thuật mô mềm TA, tương thích với băng ghim khâu nối mô mềm có 2 hàng ghim, cỡ cỡ khác nhau tương ứng với chiều dài 30mm, 45mm, 60mm, 90mm; chiều cao ghim 3.5mm, 4.8mm. Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc tương đương.	3 cái/Hộp	Cái	6
111	Băng dán khâu cắt nối thẳng ba hàng ghim, cỡ 30-45-60-90mm, ghim 2.5 đến 4.5mm dùng trong mổ h (ghim khâu máy)	Đồng bộ với Dụng cụ khâu nối thẳng ba hàng ghim cỡ 30-40-60-90mm, dùng trong mổ h. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	6 cái/hộp	cái	30
112	Dụng cụ cắt nối tự động sử dụng trong thuật Longo các cỡ 33.32 (máy cắt nối tự động)	Bộ cắt ut Longo, GRENA hoặc tương đương		bộ	17
113	Bộ mô dạ dày qua da	Thành phần cấu tạo: Chất liệu cao su tổng hợp tạo sự co dãn. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA hoặc tương đương.		Bộ	5
114	Bóng nang thực quản-tim vị	Bóng nang (balloon) được thiết kế với loại chất liệu nylon đặc biệt, có kích thước đường (đai 0.035"), cách bóng trên, vật liệu trong suốt, nó dành đầu vào quang ở đầu cuối bóng, đánh dấu ở giữa bóng, chiều dài làm việc 2,400mm, kính làm việc tương thích 2.8mm. Chiều dài bóng: 65mm _ đường kính bơm bóng: 6.0-7.0-8.0 mm/8.5-9.5-10.5 mm _ áp lực bơm: 2.0-5.5-9.5atm _ Tương thích với dụng cụ bơm bóng áp lực tối đa 15 atm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương		Cái	1
115	Đầu thắt tinh mạch thực quản cỡ 9.5 đến 13mm	Chất liệu cao su y tế chất lượng cao, cấu tạo 2 sợi kết. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA hoặc tương đương		cái	21

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
116	Neong thực quản	Được thiết kế với đầu tip mềm, tinh hoạt. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	1
117	Lưỡi dao cắt nội soi tiết niệu 1 chân 26chr tương thích máy Karlstorz	Điện cực cắt đốt vòng loại 1 chân. Tương thích với máy Karlstorz		Cái	1
118	Lưỡi dao cắt nội soi tiết niệu 2 chân 26chr tương thích máy Karlstorz (lưỡi cắt đốt lưỡng cực)	Điện cực cắt đốt vòng loại 2 chân. Tương thích với máy Karlstorz		Cái	1
119	Dây dẫn sáng bằng sợi quang, đầu nối thẳng, đường kính 3.5mm, dài 300cm	Đầu nối thẳng, đường kính 3.5mm, dài 300cm. Dùng cho máy nội soi cắt đốt tiền liệt tuyến IMAGE 1S		Dây	2
120	Điện cực cắt hình vòng lưỡng cực các cỡ	Tương thích cho máy nội soi cắt đốt IMAGE 1S		Cái	10
121	Điện cực cắt hình vòng đơn cực các cỡ	Tương thích cho máy nội soi cắt đốt IMAGE 1S		Cái	10
122	Điện cực cầm máu lưỡng cực, đầu hình cầu, các cỡ	Tương thích cho máy nội soi cắt đốt IMAGE 1S		Cái	5
123	Dây nối cao tần lưỡng cực, dài khoảng 400cm	Dùng cho máy nội soi cắt đốt tiền liệt tuyến IMAGE 1S. Có thể sử dụng nhiều lần.		Dây	2
124	Dung dịch Lugol 1-4%	Thành phần: Iod, Kali iodid, nước tinh khiết. Nồng độ 1-4%.		lọ	10
125	Phim chụp Xquang KTS 25x30cm	Phim khô laser dành cho máy in phim khô cỡ 25x30cm (10x12 inch) máy Casarecam	125 tờ	hộp	190
126	Phim Chụp XQ thường 35x35cm	Phim Xquang thường quy, cỡ 35x35cm, rửa máy tự động.	100rb	hộp	10
127	Phim Chụp XQ thường 18x24cm nhũ ảnh	Phim Xquang thường quy, cỡ 18x24cm, sử dụng chụp nhũ ảnh (chụp tuyến vú), rửa máy tự động.	100rb	hộp	4
128	Phim răng loại tốt	Phim nha khoa chụp bên trong miệng, kích thước 3x1cm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	150rb	hộp	20
129	Thuốc rửa film tự động	Sử dụng rửa phim X quang thường quy.		bộ	18
130	Túi máu đen	Thể tích 250ml, dùng đựng máu toàn phần, chứa dung dịch chống đông để bảo quản lưu ở 4°C, kim 16G có nắp đậy, dây dài 1000±50mm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, hoặc tương đương		cái	40
131	Quả lọc thận nhân tạo high Flux (chất liệu: cellulose triacetate; diện tích khoảng 1.5m ² ; hệ số siêu lọc khoảng 2980 (mL/giờ/100mmHg))	Đặc tính kỹ thuật chung: Quả lọc khô, Chất liệu màng lọc: TRIACETATE (CTA), Tiết trùng: Bằng tia Gamma. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Đặc tính kỹ thuật riêng: Diện tích bề mặt: 1.5 m ² , PTM/TMP Max: 500 mmHg, Hệ số siêu lọc (KUF): 2980mL/h/100mmHg, Chiều dài hiệu quả: 227mm, Đường kính trong: 200 μm, Chiều dày màng lọc: 15 μm, Thể tích mỗi: 90 ml. Hệ số thanh thải (mL/min): Urea: 196, Creatinine: 188, Phosphate: 182, Vitamin B12: 133, Myoglobin: 39, Lưu lượng máu (QB): 200 mL/phút	24 quả/thùng	quả	1.740
132	Quả lọc hấp phụ Resin	Hấp phụ các chất độc tố có trọng lượng phân tử trung bình và lớn, độc tố tan trong lipid ở bệnh nhân suy thận chu kỳ nhũ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Quả/hộp	quả	40
133	Hệ dây lọc máu dùng cho máy HDF online	Chất liệu mềm mại, không dính máu, có thể tái sử dụng nhiều lần. Các khóa với quả lọc đảm bảo độ độ kín. Đầu nối vào kim có khóa chốt an toàn. Có các điểm để lấy mẫu máu và các vị trí để đưa thuốc vào. Hai đầu gắn với kim có chốt khóa vệt, dễ tháo lắp, không làm lệch vị trí kim khi thao tác. Có điểm phát hiện hạ lượng máu. Sử dụng cả hai loại kẹp lớn và nhỏ, an toàn trong quá trình sử dụng. Có chứng chỉ chống nhiễm vật liệu dùng trong y tế (Bisphenol A free) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	24 Bộ/thùng	Bộ	600

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
134	Quả lọc thân cho KT lọc HDFO-online, diện tích khoảng 1,7m ² ; hệ số siêu lọc khoảng 74ml/h/m ² /kg	Đặc tính kỹ thuật chung: Quả lọc khô; chất liệu màng lọc: POLYMEMBRON Tiết trùng: Bằng tia Gamma Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Diện tích bề mặt: 1,7 M ² ; Max. TMP: 500 mmHg, Hệ số siêu lọc (KUF): 74 (ml/h/m ² /kg), Chiều dài hiệu quả: 271 mm; đường kính trong: 200 µm; chiều dày màng lọc: 40 µm; thể tích nước: 105 ml Hệ số thanh thải (ml/min): Urea: 285, Creatinin: 268, Phosphat: 254, Vitamin B12: 190, Inulin: 121, Myoglobin: 98 Lưu lượng máu (QB): 300 ml/phút	24 quả/thùng	Quả	300
135	Mặt nạ chống độc	Hiệu suất lọc 100% phòng được các bệnh lây nhiễm qua hô hấp và cân hệ miễn, siêu hạt mịn 2.5PM, vi khuẩn, virus. Có than hoạt. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	12
136	Dẫn đường dùng trong niệu quản (Zebra) hoặc tương đương	Có đầu thông, lõi nitinol chống gấp khúc. Thiết kế đầu mềm phủ hydrophilic giúp guidewire dễ dàng di chuyển tiếp cận với những vị trí khó, vị trí khúc. Thân guidewire cứng. Kích thước: 0.032", 0.035", dài 150cm		Cái	15
137	Dây dẫn đường dùng cho tán sỏi thận qua da, cỡ 0.032", dài khoảng 75cm, đầu cong	Dùng để hỗ trợ trong phẫu thuật nội soi, thiết lập đường dẫn. Kích cỡ: 0.032", dài 150cm. Chất liệu: Thép không gỉ, phủ PTFE. Tip: Đầu cong		Cái	30
138	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản (Hydrophilic) cỡ 0.032", dài khoảng 150cm	Dùng để hỗ trợ trong phẫu thuật nội soi, thiết lập đường dẫn. Kích cỡ: 0.032", dài 150cm. Chất liệu: Nitinol chống xoắn. Tip: Đầu thông, mềm		Cái	30
139	Hộp lưới dãn dùng 1 lần dùng trong giải phẫu bệnh	Dùng cắt màng mô (xét nghiệm giải phẫu bệnh). Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp 50 cái	hộp	5
140	Heparin	Là dung dịch dùng để tráng ống bơm tiêm dùng trong lấy máu cho máy khi máu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CFS.	5ml	lọ	5
141	Anti HEV IgM-EIA	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM chống lại virus viêm gan E sử dụng kỹ thuật phân tích huỳnh quang liên kết với Enzyme. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	96 test/ hộp	hộp	3
142	HBcAg - Anti HBcAg -EIA	Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) để xác định kháng thể và kháng nguyên "e" của virus viêm gan B trong huyết tương và huyết thanh người. Bộ xét nghiệm được dùng để theo dõi tình trạng nhiễm cấp tính của các bệnh nhân mạn tính đang điều trị. Chỉ dùng cho chẩn đoán "in vitro"	96 test/ hộp	hộp	5
143	HIV - EIA	Bộ xét nghiệm là một xét nghiệm miễn dịch enzyme, pha sẵn để chẩn đoán sàng lọc in vitro các kháng thể kháng với tất cả các phần nhân HIV-1 và HIV-2 và kháng nguyên HIV-1 (p24) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Bộ xét nghiệm này dành riêng cho việc sử dụng chẩn đoán in vitro.	96 test/ hộp	hộp	17
144	Asen FSL (Thuốc thử đông máu APTT)	Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá tổng phần (APTT). Dung lỏng. Phù hợp cho máy đông máu tự động CA560. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	10x2ml	hộp	7
145	Control F	Sử dụng để kiểm chuẩn đối bệnh lý cho các xét nghiệm APTT, PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen. Phù hợp cho máy đông máu tự động CA560. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.		lọ	4
146	Anti Human Globulin AHG IgG (huyết thanh Coombs)	Thuốc thử AHG, có chứa anti-IgG. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		lọ	7
147	Dung dịch LISS-Coombs (pp ống nghiệm)	Dùng để pha loãng hồng cầu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		lọ	5
148	Pellicontrol	Thính phẩm: bao gồm 2 loại mẫu máu, mỗi loại bao gồm các tế bào và huyết thanh (Mẫu 1: Nhóm máu A2B - Rh-D+ với huyết thanh AB; Mẫu 2: Nhóm máu O - Rh-D- với huyết thanh Anti-A,B và Anti-D)	Hộp/ 2x3ml	Hộp	2

STT
177

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
149	ABX Diucent hoặc tương đương	Dùng dịch đệm đẳng trương để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để bao phủ và pha loãng bạch cầu (WBC), để xác định và phân biệt các tế bào máu và đo hematocrit trên các máy đếm tế bào máu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	20 ltr/hộp	Hộp	30
150	Amibecina	Giả như đã gắn kháng nguyên kỹ sinh trùng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	10/96	Hộp	2
151	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật kháng sinh đồ- Que giấy MIC các loại	Họ Kháng sinh đồ NK-MIC kết hợp giữa phương pháp khuếch tán và vi pha loãng kháng sinh trên một que giấy thể nhờ đó có thể xác định MIC của kháng sinh đối với vi khuẩn. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	10 que/lo	lo	17
152	Fasciata (Fasciola IgG)	Sản xuất tại Châu Âu hoặc Mỹ. Độ nhạy >87%, độ đặc hiệu >93%.	96 test/hộp	hộp	2
153	Kovac	Thuốc thử dùng kết hợp cùng với môi trường (SIM, MPU) hoặc đĩa giấy sinh học (H2S-IND) để thực hiện thử nghiệm sinh Indol. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	2ml	tube	20
154	Kit tách chiết DNA/RNA (Tách chiết HBV, HCV)	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương. Tube 0,2ml máu trắng đặc có nắp.	50 test/hộp	hộp	17
155	Kit định lượng viêm gan B bằng kỹ thuật Realtime PCR	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương. Tube 0,2ml máu trắng đặc có nắp.	50 test/hộp	hộp	17
156	Kit định tính Lao	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương. Tube 0,2ml máu trắng đặc có nắp.	50 test/hộp	hộp	5
157	Kit tách chiết DNA/RNA (Tách chiết lao)	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương. Tube 0,2ml máu trắng đặc có nắp.	50 test/hộp	hộp	5
158	Bottle Plastic Bactec Plus Aerob/F 50/Pe	Chứa >13% w/v hạt resin hấp phụ, >0,8% w/v hạt resin trao đổi. Phù hợp máy cấy máu Bacter 9650		chai	800
159	FOB	Sản xuất tại Châu Âu hoặc Mỹ. Dạng khay, có độ nhạy- độ đặc hiệu > 95%.	11hộp 25 test	Hộp	5
160	Test nhanh chẩn đoán Lao	Định tính phát hiện kháng thể IgG/IgM kháng lao. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		test	2.600
161	TPHA	Bộ thuốc thử, vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính và bán định lượng kháng thể IgG và IgM. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	100test	Hộp	3
162	Helicobacter pylori CYM (test nhanh chẩn đoán viêm dạ dày)	Sản xuất tại Châu Âu hoặc Mỹ hoặc Hàn Quốc. Dạng khay, có độ nhạy- độ đặc hiệu > 95%.	100test	hộp	2
163	Bộ quả ECMO	Đường kính: 0,5 - 0,8 mm. Chiều dài: 1,5 - 2,5 m. Diện tích bề mặt: 0,6 - 2,5 m ² . Lưu lượng máu tối đa: 6 - 8 lít/phút. Độ bền áp suất: 500 - 700 mmHg.		Bộ	3
164	Án thoa	Chất liệu: Thép nikel hoặc nhôm. Nhấn hạ điện từ số 64Hz-4096Hz.		Cái	1
165	Bóng trong cơ vòng các cỡ	Kích thước: 11,5,12,5,13,5 và 13,5, 14,5,15,5 Fr. Tiệt trùng.		Cái	10
166	Stent nhựa đường tụy các loại	Kích thước: 7Fr, 10Fr, chiều dài từ 90cm đến 120cm. Tiệt trùng.		Cái	2
167	Test nhanh chẩn đoán <i>Bacteroides Tsutsugamushi</i>	Độ nhạy >98%, độ đặc hiệu >99%.	25 test/hộp	Hộp	1
	Vật tư chẩn đoán chính bệnh				
168	Khung cố định ngoài khung chậu (đỉnh, nẹp vít)	Gồm 2 thanh cong đường kính 8mm; 3 thanh ren thép 316 đường kính 6mm dài 360mm, 380mm, 400mm; 14 khối chờ nhét; 26 bulông; 12 đai ốc thép không rỉ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		bộ	1
169	Khung cố định ngoài tiền mấu chuyển (đỉnh, nẹp vít)	Gồm 1 thanh tròn thép 316 đường kính 10mm dài 250-300mm, 5 khối chờ nhét, 10 bulông. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		bộ	1
170	Khung cố định ngoài cẳng chân (đỉnh, nẹp vít)	Gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 8mm dài 330mm, 8 khối chờ nhét, 8 bu lông, 16 đai ốc thép không rỉ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		bộ	3
171	Khung cố định ngoài vùng khớp gối (đỉnh, nẹp vít)	Gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 8mm dài 650mm, 12 khối chờ nhét, 24 đai ốc, 12 bulông thép không rỉ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		bộ	1

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
172	Khung cổ định ngoài cổ chân (đinh, nẹp vít)	Gồm 1 thanh trục đường kính 8mm dài 250-300mm, 2 hệ thống cặp đinh thép không gỉ và nhôm 60/61. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		bộ	1
173	Khung cổ định ngoài gần khớp (đinh, nẹp vít)	Gồm 1 thanh cung đường kính 8mm, 1 thanh thẳng thép 316 8x300mm, 1 thanh thép 316 6x230-250mm, 12 khối chờ nhét, 25 bu lông, 4 đai ốc thép không gỉ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		bộ	1
174	Khung cổ định ngoài cẳng tay, cổ tay (đinh, nẹp vít)	Gồm 2 thanh trục đường kính 6mm dài 230mm, 8 khối chờ nhét, 8 bu lông, 16 đai ốc thép không gỉ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		bộ	1
175	Khung cổ định ngoài mắt chày (đinh, nẹp vít)	3 khớp nối Ø8x8mm, 8 ốc giữ đinh, 1 thanh trục thẳng Ø8x300mm, 1 thanh bán nguyệt Ø8mm, 1 thanh vòng cung Ø8mm, 6 đinh A.D.Ø5x130mm, 1 đinh Kirschner Ø4x250mm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		bộ	1
	Đinh nẹp vít chuẩn thương				
176	Nẹp lồng máng 1/3,6,8 lỗ, dùng vít 3,5	ØM từ 73 đến 97mm, từ 6 đến 8 lỗ thân, dùng vít 3,5, chất liệu hợp kim nhôm gỉ hoặc tương đương. Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương.	li 1 cái	cái	50
177	Nẹp chữ T nhỏ 3 lỗ đầu / 3 lỗ thân, 4 lỗ thân, 5 lỗ thân, vít 3.5mm	Nẹp dày 1.5mm, nẹp gấp một góc 12 độ, lỗ rộng đầu chữ T là 25mm, thân nẹp rộng 11mm, nẹp dài từ 48mm đến 68mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ.	1 cái / gói	Cái	10
	Nẹp, vít khóa (kèm dụng cụ phẫu thuật)				
178	Nẹp khóa một lồng đầu dưới xương quay đơn hướng lỗ vít kết hợp (Đầu 4 Lỗ)	Nẹp khóa một lồng đầu dưới xương quay đơn hướng lỗ vít kết hợp (Đầu 4 Lỗ) 2.4 mm: - Số lỗ phần đầu nẹp 4 lỗ sử dụng vít khóa 2.4mm hoặc vít khóa 2.7mm, thân nẹp sử dụng vít khóa 2.4 mm hoặc vít khóa 2.7 và vít vò 2.4 mm hoặc vít vò 2.7 - Độ dày nẹp 2.0 mm, chiều rộng thân nẹp 9.2 mm, khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 9.0 mm - Số lỗ thân 3; 5 lỗ tương ứng chiều dài 37- 73mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO , GMP FDA	1 cái / gói	cái	9
179	Nẹp khóa một lồng đầu dưới xương quay đơn hướng lỗ vít kết hợp (Đầu 8 Lỗ)	Nẹp khóa một lồng đầu dưới xương quay đơn hướng lỗ vít kết hợp (Đầu 8 Lỗ) 2.4 mm: - Số lỗ phần đầu nẹp là 8 lỗ, 7 lỗ sử dụng vít khóa 2.4mm hoặc vít khóa 2.7 mm, 1 lỗ sử dụng vít vò 2.4mm hoặc 2.7 mm. - Thân nẹp sử dụng vít khóa 3.5 mm và vít vò 3.5 mm - Độ dày nẹp 2.5 mm, chiều rộng thân nẹp 10.3 mm, khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 11.0 mm - Số lỗ thân 3; 4; 5 lỗ tương ứng chiều dài 47-91 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO , GMP FDA	1 cái / gói	cái	5
180	Nẹp Khóa xương đơn chữ S đơn hướng lỗ vít kết hợp	Nẹp khóa xương đơn chữ S đơn hướng lỗ vít kết hợp 3.5 mm: - Sử dụng vít khóa 3.5 mm và vít vò 3.5 mm. - Độ dày nẹp 3.0 mm, Chiều rộng thân nẹp 11.0 mm, khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 14.0 mm - Số lỗ nẹp 5/6/7/8 lỗ tương ứng chiều dài 59- 131 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide Tiêu chuẩn ISO , GMP FDA	1 cái / gói	cái	24

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
181	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay đơn hướng lỗ vít kết hợp	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay đơn hướng lỗ vít kết hợp 3.5 mm: - Số lỗ phần đầu nẹp gồm 9 lỗ, gồm 8 lỗ khóa sử dụng vít khóa 3.5mm và 1 lỗ kết hợp sử dụng vít khóa 3.5mm hoặc vít vô 3.5mm. - Thân nẹp gồm các lỗ kết hợp sử dụng vít khóa 3.5 mm và vít vô 3.5 mm - Độ dày nẹp 3.5 mm, Chiều rộng thân nẹp 14.0 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 12.0 mm - Số lỗ thân nẹp 3;4;5 Lỗ tương ứng chiều dài 90-128mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO, GMP FDA	1 cái / gói	cái	16
182	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong đơn hướng lỗ vít kết hợp	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong đơn hướng lỗ vít kết hợp 3.5 mm: - Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 3 lỗ, thân nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm và vít vô 3.5 mm - Độ dày nẹp 4.0 mm, Chiều rộng thân nẹp 11.7 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 12.0 mm - Số lỗ thân nẹp 4,6,8,10 Lỗ tương ứng chiều dài 80 - 184 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO, GMP FDA	1 cái / gói	cái	9
183	Nẹp khóa trước bên đầu dưới xương chày đơn hướng lỗ vít kết hợp	Nẹp khóa trước bên đầu dưới xương chày đơn hướng lỗ vít kết hợp 3.5 mm: - Số lỗ khóa phần đầu nẹp 6 lỗ, sử dụng vít khóa 3.5mm phần nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm và vít vô 3.5 mm - Độ dày nẹp 4.0 mm, Chiều rộng thân nẹp 14.0 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13.0 mm - Số lỗ thân nẹp 5,7,9,11 Lỗ tương ứng chiều dài 69-173 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO, GMP FDA	1 cái / gói	cái	13
184	Nẹp khóa trung tâm đầu dưới xương chày không đồ đơn hướng lỗ vít kết hợp	Nẹp khóa trung tâm đầu dưới xương chày không đồ đơn hướng lỗ vít kết hợp 3.5 mm: - Số lỗ khóa phần đầu nẹp 6 lỗ vít khóa 3.5mm và 2 lỗ kết hợp 3.5mm, thân nẹp sử dụng vít khóa 3.5 mm và vít vô 3.5 mm - Độ dày nẹp 4.0 mm, Chiều rộng thân nẹp 15.0 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13.0 mm - 4 /6/8/10/12 Lỗ tương ứng chiều dài 100/135/161/187/213 mm, có nẹp trái và nẹp phải - Vật liệu Titanium-6AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO, GMP FDA	1 cái / gói	cái	3
185	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài đơn hướng lỗ vít kết hợp	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài đơn hướng lỗ vít kết hợp 4.5/5.0 mm: - Số lỗ phần đầu nẹp: 5 lỗ đầu nẹp sử dụng vít khóa 5.0mm thân nẹp sử dụng vít khóa 5 mm và vít vô 4.5 mm. - Độ dày nẹp 5 mm, Chiều rộng thân nẹp 17.5 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 20.0 mm - Số lỗ thân nẹp 5;7;9;11 Lỗ tương ứng chiều dài 123-283mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO, GMP FDA	1 cái / gói	cái	9

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
186	Nẹp khóa bản hẹp thân xương cánh tay, cánh tay đồng vít 3.5mm các cỡ	Nẹp dày 4mm, rộng 12mm, có từ 6 đến 16 lỗ, dài từ 87 đến 219mm, sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm. Lỗ bắt vít hình oval đối xứng nhau qua điểm giữa thân nẹp. Mặt dưới thân nẹp được tạo hình những khoảng lõm đối xứng nhau. Nẹp khóa bản nhỏ đầu trên xương cánh tay dày 3.5mm, rộng 10mm từ 6 đến 10 lỗ chiều dài trong ống 82 đến 130mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ	1 cái / gói	Cái	20
	Hệ thống nẹp vít cột sống ngực, thắt lưng (kèm dụng cụ phẫu thuật)				
187	Đĩa đệm nhân tạo cột sống ngực, lưng dạng cong các cỡ	Vật liệu: PEEK. Dạng hình viên đạn, có rãnh. Số điểm đánh dấu cân quang: 4 điểm - Chiều dài: 25, 30 và 36mm. Chiều cao: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15mm. Chiều rộng trước / sau: 10mm. Độ uốn: 6 độ - Diện tích bề mặt 130mm ² với chiều dài 25mm, 156mm ² với chiều dài 30mm, 180mm ² với chiều dài 36mm - Khoảng ghép xương từ: 0.3 - 1.62 cc tùy kích thước. Đã được diệt trùng. - Có 2 đầu gắn dụng cụ để đặt gần thẳng 0 độ hoặc gần nghiêng 15 độ - Cách nhận biết khi đặt đĩa đệm hoàn chỉnh là: Sau khi đặt vào đĩa đệm bệnh nhân sẽ cho hình ảnh X quang (Lateral hình chữ H, A/P là 3 đường thẳng song song)	1 cái / gói	cái	90
188	Vít đơn trục đường kính 4.5 đến 6.5mm các cỡ	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Công nghệ cánh ren ngược. Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm. Chiều cao mũ vít 12.2mm. Chiều rộng phần mũ vít phần song song và vuông góc với thanh dọc lần lượt là 9.2mm và 11mm. Vít có đường kính: 4.5 mm đến 7.5mm, chiều dài từ 20 - 65mm - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau). - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gậy có chiều dài ban đầu là 13.13mm	1 cái / gói	cái	126
189	Vít đa trục đường kính 4.5 đến 6.5mm các cỡ	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Cánh ren ngược - Vít có đường kính: 4.0 đến 6.5mm, chiều dài từ 20 - 70mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm - Chiều cao mũ vít 16.1mm, Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9.2mm, Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gậy có chiều dài ban đầu là 13.13mm	1 cái / gói	cái	234
190	Vít khóa trong (Ốc vít khóa trong)	Vật liệu: hợp kim Titanium. Tự gậy khi vận đồ lực. Cánh ren ngược, tránh nhỏ vít và trùn ren. - Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: 13.13mm. Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4.65mm - Đường kính: 8.83mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0 mm - Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5.5mm	1 cái / gói	cái	360
191	Nẹp dọc tròn (Thanh dọc) 5.5mmx50cm	Nẹp dọc cứng đường kính 5,5mm: - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Dài 500mm, trong đó 49mm hình trụ tròn và đầu 6mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. - Có 2 đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay	1 cái / gói	Cái	72

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
192	Thanh nối ngang (nẹp nối ngang)	Vật liệu: hợp kim Titanium - Nẹp nối ngang tương thích với đường kính nẹp dọc 5.5mm - Chiều dài từ: 10mm - 75mm (0.375 inch - 2.95 inch). - Kèm theo 02 ốc khóa trong để siết chặt vào thanh dọc đường kính 5.5mm.	1 cái/1 gói	cái	34
	BỘ NẸP VÍT KHÓA NGÂM XOẸN ĐÚNG CHO CỘT SỐNG NGỰC - THẬT LƯNG				
193	Vít đa trục cột sống, công nghệ khóa ngâm xoắn, ren dẫn kép trên thân vít	- Công nghệ khóa ngâm xoắn (Helical Flange) giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít - Thiết kế đầu vít với Chiều cao đầu vít là 16mm, chiều cao chạy trên nẹp dọc là 9.7mm, chiều rộng đầu vít là 11.3mm - Thân vít đường ren dẫn kép, tự tảo, khoảng cách ren đôi là 6mm, góc nghiêng giữa 2 ren là 60 độ - Cung xoay 60 độ, xoay đa chiều - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Đường kính: 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm, 8.5mm. - Chiều dài: 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm, 55mm, 60mm. - Tương thích với hệ thống theo dõi thân kính trong phẫu thuật cột sống (NVM5)		Cái	50
194	Vít đơn trục cột sống, công nghệ khóa ngâm xoắn, ren dẫn kép trên thân vít	- Công nghệ khóa ngâm xoắn (Helical Flange) giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít - Thiết kế đầu vít với chiều cao đầu vít khoảng 16mm, chiều cao chạy trên nẹp dọc là 9.7mm, chiều rộng đầu vít là 11.3mm - Thân vít có 2 buồng ren dẫn kép, tự tảo, khoảng cách ren đôi là 6mm, góc nghiêng giữa 2 ren là 60 độ - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Đường kính: Từ 4.0mm đến 7.5mm. - Chiều dài: Từ 25mm đến 60mm.		Cái	23
195	Nẹp nối dọc cột sống lưng dùng cho vít công nghệ khóa ngâm xoắn, dài khoảng 500mm	Tương thích với vít công nghệ khóa ngâm xoắn (Helical Flange) - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Đường kính: Khoảng 5.5mm - Chiều dài: Khoảng 500mm - 1 đầu thanh nối dọc hình lục giác giúp xoay thanh dọc khi chỉnh gù, vẹo cột sống - Có vạch chỉ dẫn chạy dọc trên nẹp		Cái	20
196	Nẹp nối ngang dùng cho vít khóa ngâm xoắn	Tương thích hệ thống vít khóa ngâm xoắn. Vật liệu: Hợp kim Titan. Chiều dài: 20mm - 40mm, bước tăng 2.5mm. Chiều dài: 40mm - 60mm, bước tăng 5mm. Có thể uốn nẹp.		Cái	10
197	Vít khóa trong, khóa ngâm xoắn, titan	- Công nghệ khóa ngâm xoắn (Helical Flange) - Thiết kế chống xoay ra ngoài, giảm lực bẻ chèo ren vít - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Tương thích với hệ thống theo dõi thân kính trong phẫu thuật cột sống (NVM5) - Chỉ tương thích với hệ thống vít công nghệ khóa ngâm xoắn (Helical Flange)		Cái	75
198	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng loại cong, độ uốn khoảng 8 độ	- Đầu miếng ghép được thiết kế kính viền đơn giúp dễ dàng khi đặt. - Vật liệu: PEEK. - Chiều rộng: 9mm, 11mm - Chiều dài: 25mm - Chiều cao: từ 8mm đến 14mm - Độ uốn: 8 độ - Có điểm cân quang (1 điểm lớn, 2 điểm nhỏ)		Cái	20

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
	Hệ thống nẹp cột sống lưng Romeo ren bên và nhuyển hoặc tương đương (kính được nhuyển)				
199	Vis đơn trục cột sống lưng Romeo đóng gói tiệt trùng sẵn có ren bên và nhuyển trên cùng một con Vis, các cỡ hoặc tương đương.	Vật liệu bằng titanium, đầu vít thon nhỏ, ren vít bên, nhuyển tạo điều kiện dễ dàng cho việc xâm nhập. Chiều dài của đầu vít 14mm x đk đầu vít 13.5mm x chiều dài thân vít 11.7mm. Vít có các kích cỡ: đk ngoài 4mm x đk trong 3.25mm x khoảng cách ren vít 2.2mm x chiều dài 25-45mm; đk ngoài 5mm x đk trong 3.55mm x khoảng cách ren vít 2.7mm x chiều dài 30-50mm; đk ngoài 6mm x đk trong 4.55mm x khoảng cách ren vít 2.7mm x chiều dài 30-80mm; đk ngoài 7mm x đk trong 5.30mm x khoảng cách ren vít 2.7mm x chiều dài 30-80mm; đk ngoài 8mm x đk trong 5.95mm x khoảng cách ren vít 2.7mm x chiều dài 30-80mm. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.		Cái	40
200	Vis đa trục cột sống lưng Romeo đóng gói tiệt trùng sẵn có ren bên và nhuyển trên cùng một con Vis, các cỡ hoặc tương đương.	Vật liệu bằng titanium, góc xoay 50 độ, đầu vít thon nhỏ, ren vít bên, nhuyển tạo điều kiện dễ dàng cho việc xâm nhập. Chiều dài của đầu vít 14mm x đk đầu vít 13.5mm x chiều dài thân vít 11.7mm. Vít có các kích cỡ: đk ngoài 4mm x đk trong 3.25mm x khoảng cách ren vít 2.2mm x chiều dài 25-45mm; đk ngoài 5mm x đk trong 3.55mm x khoảng cách ren vít 2.7mm x chiều dài 25-50mm; đk ngoài 6mm x đk trong 4.55mm x khoảng cách ren vít 2.7mm x chiều dài 30-90mm; đk ngoài 7mm x đk trong 5.30mm x khoảng cách ren vít 2.7mm x chiều dài 30-90mm; đk ngoài 8mm x đk trong 5.95mm x khoảng cách ren vít 2.7mm x chiều dài 30-90mm. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.		Cái	60
201	Ốc khóa trong cột sống lưng Romeo đóng gói tiệt trùng sẵn hoặc tương đương.	Vật liệu titanium, hình lục giác vức 4, đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng, tương thích với vít có ren bên, nhuyển.		Cái	100
202	Nẹp dọc cột sống lưng Romeo đường kính 5,4mm dài 50-90mm hoặc tương đương.	Vật liệu: titanium, nẹp dọc được uốn sẵn. Kích thước: đk: 5.4mm, dài 50-90mm, tương thích với vít có ren bên, nhuyển. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.		Cái	25
203	Nẹp ngang cột sống lưng Romeo đóng gói tiệt trùng sẵn hoặc tương đương.	Vật liệu: titanium. Góc mở nẹp ngang tự tháo rời, vít khóa nẹp ngang hình lục giác; nẹp dọc dài 20-80mm hoặc tương 10. Tương thích với vít có ren bên, nhuyển. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.		Cái	20
204	Đĩa đệm	Vật liệu: PEEK, 2 điểm đánh dấu bằng tantalum. Độ dày của rãnh cực: 0.9mm, khoảng cách từ thành phía trước đến điểm đánh dấu là 2.5mm và khoảng cách từ thành phía sau đến điểm đánh dấu là 2.5mm. Đĩa đệm có 2 kích thước: 0 độ x chiều rộng 10.5mm x chiều dài 22mm x chiều cao 8-10-12-14mm; 5 độ x chiều rộng 10.5mm x chiều dài 22 mm x chiều cao 8-10-12-14mm. Bên trong có khoang chứa xương lớn. Đóng gói tiệt trùng sẵn.		Cái	25
	Hệ thống bơm cement có bóng, size 3 hoặc tương đương				
205	Kim chọc dò cứng sống	Kim chọc dò cứng sống: Vật liệu: Thép 304 và nhựa y tế, gồm: kim mũi kim cương và tracer, kích cỡ 11 Gauge, trọng lượng: 22.9g	1 cái/1 gói	cái	21
206	Kim chọc khoan thần sống T1SD hoặc tương đương	Kim chọc và khoan thần sống size 3, cỡ 8 gauge (đường kính ngoài 4.2mm, gồm: 02 ống Trocar dụng rỗng nóng có đường kính ngoài 4.2mm, có vạch chia trên thân 120mm, 01 nòng bên trong ống Trocar, 01 mũi khoan thần sống có vạch chia độ thể hiện độ sâu vào thần sống trên thân mũi khoan (tối đa 40mm), 02 kim dẫn đường mũi nhọn, 02 kim dẫn đường đầu tù	1 cái/1 gói	cái	21

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
207	Bóng nóng thân đốt sống Xpander hoặc tương đương	Bóng nóng vật liệu chủ yếu bằng thép 304, hợp kim y tế và nhựa, có 03 size 10, 15, 20, có 2 điểm cân quang kiểm soát độ sâu làm bằng vật liệu Platinum (90%), Iridium (10%)	1 cái/1 gói	cái	21
208	Bộ bơm áp lực có đồng hồ đo	- Dạng xi lanh có đồng hồ thể hiện áp lực qua màn hình LCD, áp lực bơm tối đa 400psi - Có 02 chế độ hiển thị là psi và atm	1 cái/1 gói	cái	21
209	Bộ bơm áp lực đẩy xi măng kèm bộ trộn	Bộ bơm áp lực đẩy xi măng vào kim chọc kèm bộ trộn gồm: 01 tay trộn, 01 thân bộ trộn đường kính 70cc trong đó có cơ chế khóa Luer, 01 pittong áp lực để đẩy xi măng vào kim chọc, 01 phễu đổ xi măng vào bộ trộn, 01 dây hút chân không, 01 bộ kết nối với khóa Luer trên thân bộ trộn, 01 xi lanh để hút dung dịch pha vào xi măng thể tích 10ml, 01 kim bơm	1 cái/1 gói	Cái	11
210	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha HIV-R hoặc tương đương	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm 20g xi măng tiết kiệm dạng bột với Barium sulphate 30%, Methyl methacrylate-Styrene-copolymer 68%, Benzoyl peroxide 2% và 9g chất lỏng trong lọ vô trùng với thành phần: Methyl methacrylate (meta-mar): 99.1%, N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9%, Hydroquinone 75ppm, là loại xi măng có độ nhớt cao, có cân quang, thời gian làm việc trung khoảng 8 phút ở 22 độ C	1 cái/1 gói	Cái	11
211	Kim chọc đưa xi măng vào đốt sống PD4B hoặc tương đương	Kim chọc đưa xi măng size 3, vật liệu: Thép 304 và nhựa, gồm: 01 ống rỗng nóng, 01 kim chọc đẩy xi măng có vạch chia đường kính, đường kính 1.5cc	1 cái/1 gói	Cái	63
	Bộ nẹp vít cột sống cổ lõi trước cơ chế khóa vòng xoắn liên tục (kèm dụng cụ nẹp)				
212	Nẹp cột sống cổ trước cơ chế khóa vòng xoắn liên tục, 1 tầng	Cơ chế tự khóa đầu mũi vít bằng vòng xoắn. Góc xoay của vít đa hướng so với nẹp là nhỏ hơn hoặc bằng 20 độ. Độ dày nẹp: 2.4mm. Chiều rộng lớn nhất là: 16mm. Chiều dài: Từ 20mm đến 34mm, bước tăng 2mm. Vật liệu: Hợp kim Titan.		Cái	5
213	Nẹp cột sống cổ trước cơ chế khóa vòng xoắn liên tục, 2 tầng	Cơ chế tự khóa đầu mũi vít bằng vòng xoắn. Góc xoay của vít đa hướng so với nẹp là nhỏ hơn hoặc bằng 20 độ. Độ dày nẹp: 2.4mm. Chiều rộng lớn nhất là: 16mm. Chiều dài: Từ 36mm đến 54mm, bước tăng 2mm. Vật liệu: Hợp kim Titan.		Cái	10
214	Nẹp cột sống cổ trước cơ chế khóa vòng xoắn liên tục, 3 tầng	Cơ chế tự khóa đầu mũi vít bằng vòng xoắn. Góc xoay của vít đa hướng so với nẹp là nhỏ hơn hoặc bằng 20 độ. Độ dày nẹp: 2.4mm. Chiều rộng lớn nhất là: 16mm. Chiều dài: Từ 56mm đến 66mm, bước tăng 2mm. Vật liệu: Hợp kim Titan.		Cái	3
215	Vít cột sống cổ trước, đa hướng, tự tam	Vít nẹp tự khóa và tự tam. Góc đơn hướng và đa hướng. Đường kính: 4.0mm và 4.5mm. Chiều dài: Từ 11mm đến 19mm, bước tăng 1mm. Vật liệu: Hợp kim Titan.		Cái	70
216	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ hình thang, góc nghiêng khoảng 5 độ	- Vật liệu: PEEK - Chiều cao: Từ 5mm - 12mm, bước tăng 1mm - Chiều rộng: 15mm - Chiều sâu: 13mm - Có điểm cân quang - Khung đĩa đệm lên chống lún		Cái	15
	Bộ nẹp vít cột sống cổ lõi sau cùng xoay khoảng 80 độ (kèm dụng cụ nẹp):				

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
217	Vít cột sống cổ lõi sau, cung xoay khoảng 80 độ	<ul style="list-style-type: none"> - Cung xoay giữa thân vít và đầu vít là 80 độ giúp quá trình phẫu thuật được thuận lợi hơn. - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Đường kính 3,5mm dài từ 16mm đến 34mm, bước tăng 2mm. - Đường kính 4.0mm và 4.5mm dài từ 10mm đến 40mm, bước tăng 2mm. - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong phẫu thuật cột sống (NVMS) 		Cái	70
218	Nẹp nối dọc, dùng cho vít cột sống cổ lõi sau có cung xoay khoảng 80 độ	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Đường kính: 3.5mm - Chiều dài: 60mm, 120mm và 240mm 		Cái	14
219	Nẹp nối ngang, dùng cho nẹp nối dọc cột sống cổ lõi sau	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Chiều dài từ 26mm đến 50mm với bước tăng là 2mm. - Trên nẹp đã kèm 2 vít khóa độ khóa nẹp nối ngang vào nẹp nối dọc, với góc khóa của vít là 45 độ 		Cái	14
220	Vít khóa trong cột sống cổ lõi sau có cung xoay khoảng 80 độ	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế hình tulip, dùng cho cả vít và móc bán sống - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Chỉ tương thích với hệ thống Vapoint - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong phẫu thuật cột sống (NVMS) 		Cái	70
221	Nẹp chàm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Có 3 kích cỡ khác nhau là 32mm, 46mm và 45mm - Trên nẹp có điểm đánh dấu bằng màu bạc để tránh nhầm lẫn chiều khi đặt. - 3 hèm có điểm nối với nẹp nối dọc chàm cổ với cơ chế khóa là góc nghiêng vít 20 độ 		Cái	1
222	Vít chàm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Đường kính: 4.5mm và 5.0mm - Chiều dài: từ 6mm đến 14mm với bước tăng là 2mm. 		Cái	10
Xương ghép nhân tạo					
223	Xương nhân tạo 2oc, dạng hình trụ	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần khoáng chất bao gồm 90% beta-tricalcium phosphate (β-TCP) và <10% hydroxyapatite (HA). - Có thể thay đổi nhiều hình dạng khác nhau, cung cấp tự linh hoạt trong phẫu thuật - Hình dạng: Hình trụ - Kích thước: 8x20mm - Dung tích: 2oc. 	1 cái/hộp	Hộp	25
224	Xương nhân tạo 5oc, dạng mảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần khoáng chất bao gồm 90% beta-tricalcium phosphate (β-TCP) và <10% hydroxyapatite (HA). - Có thể thay đổi nhiều hình dạng khác nhau, cung cấp sự linh hoạt trong phẫu thuật - Hình dạng: Dạng mảnh - Kích thước: 50x12.5x4mm. - Dung tích: 5oc. 	1 cái/hộp	Hộp	15
Khớp háng các loại (kèm dụng cụ mượn):					
225	Khớp háng toàn phần không xi măng	Gồm nhiều chi tiết: Càng xương đùi, Đầu xương đùi, Ổ cối, Lép đệm, Vít ổ cối. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	5 cái/bộ	Bộ	16
Vật tư tìm mạch và XQ can thiệp:					
226	Máng đặt ống thông ngả quay (4F, 5F, 6F, 7F)- 7cm-11cm	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ mở đường cỡ dài loại 11cm - Vỏ bọc bằng PEP gồm dao, kim 14G x 5cm, dây dẫn J (làm bằng thép không gỉ), van cầm máu, bơm, bình 19cm hình dạng đặc biệt theo góc, 2 bơm tiêm dung tích 5ml và 10ml. Luôn vào ổ định. - Tất cả các dụng cụ được vô trùng đóng gói trong một khay trong suốt và được thiết kế để sử dụng một lần - Bao gồm các size: 4F; 5F; 6F; 7F. Tiêu chuẩn ISO: 13485, CE: 93/42/EE 		cái	160

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
227	Dây dẫn hỗ trợ chẩn đoán và can thiệp các cơ	Dây dẫn đường chèn Catheter (Guide Wire) các cỡ: 0,035", 150 cm, đầu tip linh hoạt, lớp phủ PTFE, màu xanh lá cây, vỏ trắng. 0,035", 90 cm, đầu J-tip, chiều dài lỗ xo 100 mm, lớp phủ PTFE, màu xanh lá cây, vỏ trắng. 0,035", 70 cm, J-tip 3 mm, đầu kia thẳng linh hoạt, lõi Nitinol, vạch dài, vỏ trắng. 0,035", 260 cm, J-tip 3 mm, Lớp phủ PTFE, màu xanh lá cây, vỏ trắng. 0,018", 150 cm, một đầu thẳng linh hoạt, đầu còn lại cố định, không phủ, vỏ trắng. Tiêu chuẩn ISO: 13485, CE hoặc tương đương		cái	160
228	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại vi các cỡ	Dây dẫn can thiệp ngoại vi sử dụng để hỗ trợ các ống thông qua da vào các mạch máu vành, ngoại vi, và dùng để đẩy coil có: - Đường kính dây dẫn 0,014, 0,018, 0,025, 0,035 - Chiều dài dây dẫn từ 60 - 400cm. - Chỉ số dùng một lần - Lõi làm từ chất liệu Nitinol, dẻo dai và bền, lớp ngoài phủ Silicon để nước dễ đi xuyên - Đầu dây dẫn có mạ vàng tăng khả năng tương phản. - Có nhiều dạng đầu tip có độ cong 0, 15, 45 độ.		Cái	28
	Hộ dụng cụ thông tim chụp động mạch, gồm:				
229	Ống thông can thiệp siêu nhỏ	Kỹ thuật đan lưới lòng ống sợi dệt kép Full Wall giúp nâng cao sức mạnh, khả năng xoay và chống gấp. Lớp áo ngoài bằng vật liệu Inolide polymer đem đến tính bền vững vượt trội giúp tăng khả năng di chuyển. Dẫn tip mềm không gây tổn thương. Có 4 loại dẫn cong đường quay có thể chụp có 2 bên động mạch vành. Đường kính 5F, 6F với chiều dài 100cm và 110cm. Có thể chọn loại có lỗ bên cạnh hoặc không Tiêu chuẩn FDA		cái	12
230	Ống thông can thiệp mạch vành các loại, các cỡ	Ống thông can thiệp mạch vành - Trục bằng chất liệu nylon bền hợp với công nghệ bện dây - Tỷ lệ moment xoắn 1:1 - Dẫn tip ba góc, làm bằng chất liệu mềm giúp giảm tổn thương lòng mạch - Kích thước 5F; 6F; 7F; 8F. Đường kính trong 0,057" (1,4mm) loại 5F; 0,070" (1,78mm) loại 6F; 0,078" (2,0mm) loại 7F; 0,088" (2,2mm) loại 8F. Chiều dài 100 cm - Dãy chủng loại: JR, JL, SBS, MP, IM, AL, AR, LCB, RCB, EG, HS, UTL1, UTL2 - Ống thông được thiết kế có hoặc không có lỗ bên tùy mã sản phẩm Đạt tiêu chuẩn FDA.		cái	269
231	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc paclitaxel, công nghệ nano TransferTech phủ nhiều lớp thuốc rửa màng lên bề mặt bóng. Nồng độ Paclitaxel là 3µg/cm ² . Marker làm bằng hợp chất Tungsten và polymer, vừa tăng độ cản quang, vừa cho độ mềm dẻo linh hoạt. Đường kính từ: 1,5-4,5 mm, Độ dài từ: 10-40 mm.	Củ/hộp	Củ	17
232	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus bằng công nghệ Nano	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus. Đường kính từ 1,5mm đến 4,0mm, chiều dài từ 10mm đến 40mm. Chất liệu: Polyamide. Tiêu chuẩn kỹ thuật: hàm lượng thuốc 1,27µg/cm ² được phủ bằng công nghệ Nano.		Củ	12
233	Stent động mạch chỉ có lớp bao PTFE tự bung các cỡ	Giá đỡ động mạch có lớp bao PTFE, tự bung (Stent Graft); Làm bằng hợp kim nítinol (nickel, titanium) và được bao phủ bởi hai lớp ePTFE. Chiều dài làm việc hữu dụng (chiều dài làm việc) 80 - 135cm; Tương thích wire 0,035"; Đường kính: 6 - 13,5 mm và chiều dài: 40 - 120 mm.		Củ	2

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
234	Stent động mạch chi có lớp bao PTFE bung bằng bóng các cỡ	Giả đỡ động mạch có lớp bao PTFE, bung bằng bóng (covered Stent), sử dụng dây dẫn 0.035"; Stent bung bằng bóng; Làm bằng vật liệu thép không rỉ mới và được bao phủ bởi hai lớp ePTFE với độ dày 10 - 40 mic; Chiều dài Catheter 80 - 135 cm; Bóng có áp lực làm việc bình thường 8 atm và áp lực vỡ bóng 12 atm; Tương thích wire 0.035"; sheath 6F - 8F; Đường kính stent 5 - 12 mm và chiều dài: 16 - 58 mm.		Cái	2
235	Bộ Stent Graft thân chính động mạch chủ bụng	Mô tả: Sử dụng cho phình tách DMC Bụng, có kích thước hệ thống dẫn 18F (phần thân chính) 14F (phần nối dài). Đầu gắn có stent chốt M: giúp chống gấp gáy, áp sát thành mạch và hạn chế sự gấp nếp. Có thể chỉ định trên bệnh nhân có cổ tử phình đoạn gần ≥ 10 mm, và độ gấp góc đến 75 độ. Có marker hình chữ e và ring marker ở chân ngắn. Hệ thống bung stent bằng cách xoay tròn giúp đặt stent chính xác. Kích cỡ: Đường kính của Stent từ 23mm đến 36mm với thân chính và từ 10mm đến 28mm với thân nối dài. Kích thước hệ thống dẫn nhỏ nhất 18F. Chất liệu Stent: Nitinol, Graft: Polyester đa sợi một độ co. Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE		Bộ	1
236	Bộ Stent Graft thân chính động mạch chủ ngực	Mô tả: Sử dụng cho phình, bóc tách động mạch chủ ngực. Có 8 mắt stent ở đầu gắn không có lớp phủ, dài 12 mm. Không có thanh kim loại chạy dọc trên lưng stent, không cần xoay chỉnh hệ thống khi đặt. Hệ thống bung stent điều khiển bằng cách xoay tròn giúp đặt stent chính xác. Kích cỡ: Đường kính của Stent từ 23mm đến 46mm. Chiều dài 100-200mm. Chất liệu: Stent: Nitinol, Graft: Polyester		Bộ	1
237	Máy tạo nhịp 01 buồng nhịp có định VVI, tương thích MRI toàn thân 1.5T. Thời gian hoạt động > 16 năm. Gồm có phụ kiện chuẩn	Máy tạo nhịp 1 buồng, nhịp cố định VVI, tương thích MRI toàn thân. Chương trình đo xung tự động ACC và Auto nhận cảm. Chỉ lại 4 cm điện tim ECG số đã đa 10s mỗi cơn, và 75% điện số cơn. Khối lượng 10 cc, dây 6,5mm, nhịp cơ bản lên đến 200bpm. Thời gian hoạt động >16 năm - Dây điện cực lưỡng cực, tương thích MRI, đặt ở thất phải, dài 60 cm, với thân dây có đường kính 5,6 F và lớp phủ fractal Iridium trên các điện cực.	Hộp/ 1 Bộ	bộ	4
	Máy chỉnh		Hộp/ 1 cái		
	Dây điện cực thất		Hộp/ 1 cái		
	Bộ chọc mạch introducer 7Fr hoặc 9Fr		Bao/ 1 cái		
238	Bộ máy tạo nhịp có phủ rung cấy vào cơ thể 1 buồng, chuẩn DF4, với thời gian hoạt động >15 năm, gồm có phụ kiện chuẩn	- Bộ máy tạo nhịp có phủ rung cấy vào cơ thể 1 buồng, chuẩn DF4. Chương trình theo dõi qua vệ tinh, chương trình phân biệt VT/SVT dạng sóng sóng viễn trường trong suốt thời gian phát hiện loạn nhịp (MorphMatch), năng lượng sốc 40J ngay từ sốc đầu. Có chương trình ATP One shot. - Pin 3.2V với thời gian hoạt động >15 năm với bảo hành 10 năm. - Tương thích MRI 1,5T và 3T toàn thân, - Khối lượng máy 30cc/75g, dây 10mm, hình dạng cong sinh lý Bioshape - Dây điện cực dài 65 cm với một cuộn sốc và 2 điện cực ở đầu dây để nhận cảm, tương thích MRI, Thân dây bằng Silicone với đường kính cuộn sốc và thân dây 7,8F, có lớp phủ fractal Iridium trên điện cực thất và đầu. - Tiêu chuẩn chất lượng CE		Bộ	1
	Máy chỉnh				
	Dây điện cực sốc				
	Bộ chọc mạch introducer 7Fr hoặc 9Fr				

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
239	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng nhịp thích ứng, tương thích MRI toàn thân 1.5T. Thời gian hoạt động > 16 năm. Gồm có phụ kiện chuẩn	Máy tạo nhịp 1 buồng, nhịp thích ứng VVIR, tương thích MRI toàn thân. Chương trình dò xung tự động ACC và Auto nhận cảm. Ghi lại 4 con điện tim ECG tối đa 10s mỗi con, và 75% tiền sử con. Khối lượng 19 cc, dây 6,5mm, nhịp cơ bản lên đến 200bpm. Thời gian hoạt động > 16 năm - Dây điện cực lưỡng cực, tương thích MRI, dùng ở thất phải, dài 60 cm, với thân dây có đường kính 5,6 F và lớp phủ fractal Iridium trên các điện cực.	Hộp/ 1 Bộ	bộ	6
	Máy chính		Hộp/ 1 cái		
	Dây điện cực thất		Hộp/ 1 cái		
	Kim chọc tĩnh mạch		Bao/ 1 cái		
240	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng với nhịp thích ứng, tương thích MRI toàn thân 1.5T. Thời gian hoạt động > 12 năm. Gồm có phụ kiện chuẩn	Máy tạo nhịp 2 buồng, nhịp thích ứng DDDR, tương thích MRI toàn thân. Chương trình dò xung tự động ACC và Auto nhận cảm 2 kênh nhĩ, thất. Ghi lại 4 con điện tim ECG tối đa 10s mỗi con, và 75% tiền sử con ở cả 2 kênh. Chương trình giám tạo nhịp thất (RS+), giám suy tim. Khối lượng 11 cc, dây 6,5mm, nhịp cơ bản lên đến 200 bpm. Thời gian hoạt động > 12 năm - Dây điện cực lưỡng cực, tương thích MRI, dùng ở nhĩ và thất phải, dài 53 và 60 cm, với thân dây có đường kính 5,6 F và lớp phủ fractal Iridium trên các điện cực.	Hộp/ 1 Bộ	bộ	2
	Máy chính		Hộp/ 1 cái		
	Dây điện cực thất		Hộp/ 1 cái		
	Dây điện cực nhĩ		Hộp/ 1 cái		
	Kim chọc tĩnh mạch (2 cái)		Bao/ 1 cái		
241	Dụng cụ ép cầm máu vết chọc động mạch quay	Đang ép cầm máu quay đúng để cầm máu sau các thủ thuật can thiệp hoặc chọc mạch. Có hai kích thước 24cm và 29cm. Bề mặt trung suốt, thiết kế đặc biệt giúp xác định vị trí ép cầm máu chính xác. Thể tích tối đa của ống tiêm đi kèm là 20ml.		cái	30
242	Bộ nhận tín hiệu áp lực động mạch dùng cho máy DSA	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	17
	Vật tư Khoa Chẩn đoán hình ảnh				
243	Ống thông chụp động mạch thân (catheter)	Chiều dài ống thông 80 và 135cm. Loại 5F, dây dẫn 0,014". Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	5
244	Bộ vi ống thông can thiệp TOCE/TACE với đầu tip nhỏ 2.6F và lòng ống rộng (khoảng 0.69mm), torque rời, áp lực bơm tới 1000psi	Đầu tip ống thông nhỏ 2,6F có kèm torque rời. Lòng ống rộng 0,69mm. Áp lực bơm tới 1000psi. Lớp phủ Hydrophilic: 65, 100cm. Dây dẫn đi kèm 0,021" với dạng đầu tip: angle hoặc multi curve. Chiều dài khả dụng: 105, 205cm.	1 Cái	bộ	20
245	Vi ống thông (Micro Catheter) can thiệp	Đường kính 2.7F, chiều dài 130-150cm, dây dẫn đi kèm cỡ 0.021"	Bì 1 cái	cái	60
246	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan 40 - 100 micromet	Hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer, không tan trong dung môi. Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl. Kích thước hạt: 40 μm - 100 μm.	01 ống/bộ	ống	5
247	Hạt nhựa nút mạch điều trị Ung thư gan	Hạt hình cầu gắn hóa chất có cỡ từ 40-100micromet điều trị ung thư gan có thể phủ tải đa Doxorubicin tới 100mg, kích thước đồng nhất không giãn nở sau pha		lo	9
248	Coiil nút mạch não loại phủ Gel các cỡ	Vòng xoắn bất phình phủ gel ngâm nước sẽ nở ra gấp 7, 9, 11 lần so với khối lượng chiếm thể tích của coil platinum thông thường giúp tiết kiệm chi phí cho bệnh nhân và giảm tỉ lệ tái thông		Cái	1
249	Bông chặn cổ tái phình mạch máu não	Là thiết kế balloon catheter, ống mềm. Chỉ định bông chặn cổ tái phình mạch não cổ rộng, có phủ Hydrophilic. Kích thước đường kính 4,0mm, dài 10mm, 15mm và 20 mm. Chiều dài đầu xa 5mm.	1 Cái/1bộ	cái	3
250	Keo sinh học nút di động động tĩnh mạch não	3 nồng độ 25%, 30%, 35%, 1ml/ống. Có thể sử dụng ngay, không cần pha trộn thêm chất kết dính khác.	1 cái/bộ	cái	5
251	Vi dây dẫn đường mạch máu não các cỡ	Dây dẫn ái nước, dài 200 cm. Chiều dài đầu xa là 40 cm. Đường kính đầu gần 0.014 inches và đường kính đầu xa là 0,012 inches.	1 cái/bộ	cái	5

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
252	Giả đỡ (Stent) mạch não bằng chất liệu Nitinol	(Stent) Dụng cụ giả đỡ mạch não dùng cho túi phình cổ rộng, chất liệu Nitinol, 12 sợi nitinol bện vào nhau với các mắt lưới hình oval kích thước 1,6mm. Có 6 điểm cân quang ở 2 đầu dụng cụ và 3 sợi cân quang suốt chiều dài thân. Ở trạng thái tự do, stent có đường kính từ 2,5mm đến 3,5mm, chiều dài từ 13 cm đến 33 cm. Chỉ định cho đường kính lòng mạch từ 2,0mm đến 3,5mm.	1 cái/hộp	cái	3
253	Bóng bóng, chặn cổ túi phình mạch não hỗ trợ thả coils	Bóng dẫn nà dùng để chặn Cổ Túi Phình Mạch Não hỗ trợ thả coils loại Transform Balloon. Thời gian bơm bóng và xả bóng nhanh giúp giảm thời gian thủ thuật, hệ thống dual lumen. Đường kính 3-7mm - Chiều dài từ 7-30mm		Cái	5
254	Kim sinh thiết Monopty các cỡ hoặc tương đương	Loại kim sinh thiết dùng 1 lần - Độ sâu chốt 11mm hoặc 22mm giúp thuận tiện trong thủ thuật - Cán kim nhẹ, dễ thao tác - Các cỡ kim khác nhau được đánh dấu bằng màu sắc khác nhau. - Kim Monopty tương thích với kim dẫn đường Bard Coaxial TrueGuide. - Kích thước: đường kính 12g, 14g, 16g, 18g, 20g và độ dài 10, 16, 20cm	10 cây/hộp	Cây	9
255	Độ kim chọc sinh thiết lõi 18G, 18G (cổ nông)	Đầu tip trocar sắc nhọn, ống cannula whistle sắc sảo. Trên thân ống có vạch chia độ rõ ràng cách nhau 1cm, có nút đánh dấu độ sâu. Có đánh dấu echogenic tăng khả năng hiển thị dưới siêu âm. Có khóa kim dẫn đường. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Độ	1
256	Kim chọc động mạch dài 18G (cổ nông)	Chất liệu: Hợp kim không gỉ hoặc tương đương. Kích thước: 18G (1,37mm) Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương, FDA	Hộp 50 cây	cây	72
257	Ví ống thông can thiệp mạch thần kinh	Ví ống thông gồm các sợi thép không gỉ quấn vòng quanh thân để tránh gấp và giữ nguyên hình dạng lòng ống thông. Đầu ngoài vì của ống thông mềm và thẳng, lớp áo hydrophilic bao bề mặt ngoài, lớp PTFE lót lòng trung cùng, lớp nhựa Pebax. Đường kính ngoài gần xa là 2,7Fr-2,4Fr, đường kính trong 0,021", chiều dài 153cm, tương thích dây dẫn lớn nhất là 0,018". Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	3
Vật tư mạch máu					
258	Mạch máu nhân tạo cỡ 22mm x 15cm	Loại thẳng, kích thước: 22mm x 15cm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp /cái	Cái	3
259	Mạch máu nhân tạo cỡ 18mm x 30cm	Loại thẳng, kích thước: 18mm x 30cm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp /cái	Cái	3
260	Mạch máu nhân tạo cỡ 20mm x 30cm	Loại thẳng, kích thước: 20mm x 30cm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp /cái	Cái	3
261	Mạch máu nhân tạo cỡ 20mm x 10mm	Loại chữ Y, 2 nhánh, kích thước: 20mm x 10mm x 40cm		Cái	1
262	Miếng vá tim, mạch máu (4x8cm)	Chất liệu: màng ngoài tim bò. Tương thích sinh học, Độ bền kéo và khả năng duy trì độ chắc chắn của chỉ khâu tuyệt vời, Không yếu cấu chỉ khâu đặc biệt, Độ dày Collagen đồng nhất, Cấu dễ dàng để có hình dạng kích thước mong muốn. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	1
Vật tư tiêu hao Mắt:					
263	Dây silicon thông lệ mũi- lệ đạo không có kim 2 đầu	Dây thông lệ đạo, Hai đầu, các cỡ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	3
264	Que nhuộm Fluorescein Sodium	Que nhuộm chứa 1mg Fluorescein Sodium. Tịch trùng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Que	30
265	Thủy tinh thể nhân tạo mềm kéo dài hoặc tăng cường dài tiêu cự, một mảnh	Thủy tinh thể nhân tạo mềm kéo dài hoặc tăng cường dài tiêu cự, một mảnh. Chất liệu Acrylic không ngâm nước, mềm, một mảnh. Thiết kế Phi cầu. Đường kính thấu kính ≥ 6mm. Đường kính tổng ≤ 11mm. Công suất từ 3D đến +22D, cách 6,5D. Vết mờ ≤ 1,8mm. Chỉ số khúc xạ ≥ 1,53. Thủy tinh thể cung cấp hình dạng cụ thể.		Cái	200

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
	Vật tư RHM:				
	Hệ thống nẹp vít xương hàm các loại				
266	Nẹp xương cầm titan 2.3 cong 4 lỗ tăng áp	đk 2,2mm, loại cong, 4 lỗ, chịu lực. Chất liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương		Cái	5
	Hệ thống nẹp Vít xương hàm tự tiêu:				
267	Nẹp xương hàm tự tiêu 1.5 thẳng 6 lỗ	Loại tự tiêu, đk 1,5mm, loại thẳng 6 lỗ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	5
268	Nẹp xương hàm tự tiêu 1.5 thẳng 20 lỗ	Loại tự tiêu, đk 1,5mm, loại thẳng 20 lỗ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	5
269	Nẹp xương hàm tự tiêu 2.5 thẳng 4 lỗ	Loại tự tiêu, đk 2,5mm, loại thẳng 4 lỗ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	5
270	Nẹp xương hàm tự tiêu 2.5 thẳng 6 lỗ	Loại tự tiêu, đk 2,5mm, loại thẳng 6 lỗ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	5
271	Vít xương hàm tự tiêu 1.5x6mm	Vít tự tiêu, kích cỡ 1,5mm x 6mm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	10
272	Vít xương hàm tự tiêu 2.5x8mm	Vít tự tiêu, kích cỡ 2,5mm x 8mm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	10
273	Vít xương hàm tự tiêu 2.5x12mm	Vít tự tiêu, kích cỡ 2,5mm x 12mm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	10
	Vật tư dùng cấy ghép Implant				
274	Implant các cơ	Vật liệu Titanium/ hợp kim titan cấy ghép vào xương hàm. Đường kính trụ dao động từ 3,0 - 7mm, chiều dài từ 6-14mm. Có kết nối cone Morse với abutment, platform switching hạn chế tiêu xương bề mặt được xử lý đảm bảo tích hợp xương tốt.		Cái	15
275	Healing	Vật liệu Titanium nguyên chất/ hợp kim Titanium chống ăn mòn cao Trụ lành thương tái tạo mô mềm, kết nối chắc chắn với fixture, có nhiều kích thước phù hợp. Đường kính dao động 3 - 8 mm.		Cái	15
276	Bê nhai răng giả Abutment các cơ	Vật liệu Titanium nguyên chất/ hợp kim Titanium cứng để phục hình trên implant đường kính dao động từ 4,0-7,5mm		Cái	15
277	Màng xương nhân tạo cỡ 15x20	Màng xương dùng trong cấy ghép, chỉ định cho nha chu, nâng sống hàm vùng nhỏ răng (chưa bị cho quá trình đặt implant), nâng xương tái tạo xương có hướng dẫn, kích thước 15x20mm	1 cái/ hộp	hộp	5
278	Màng xương nhân tạo cỡ 20x30	Màng xương dùng trong cấy ghép, chỉ định cho nha chu, nâng sống hàm vùng nhỏ răng (chưa bị cho quá trình đặt implant), nâng xương tái tạo xương có hướng dẫn, kích thước 20x30mm	1 cái/ hộp	hộp	5
279	Bột xương 0.25cc	Xương ghép thay thế trong trường hợp thiếu hồng xương hàm khi thực hiện cấy ghép chân răng nhân tạo. Thể tích 0,25cc.		Lọ	5
280	Bột xương 0.5cc	Xương ghép thay thế trong trường hợp thiếu hồng xương hàm khi thực hiện cấy ghép chân răng nhân tạo. Thể tích 0,5cc		Lọ	5
281	Bột xương 1cc	Xương ghép thay thế trong trường hợp thiếu hồng xương hàm khi thực hiện cấy ghép chân răng nhân tạo. Thể tích 1cc		Lọ	5
282	Analog	Vật liệu titanium nguyên chất.		cái	15
283	Impression coping	Dùng eu lấy dấu răng hoặc mô		cái	15
	Vật tư can thiệp Bức xạ động mạch chủ động mạch vành, van động mạch chủ, van 2 lá				
284	Dụng cụ bấm lỗ động mạch chủ Aortic - punch	Có 10 cỡ lưới cắt khác nhau tạo hình theo mong muốn, đầu cắt hình nón. Đường kính từ 2.0mm đến 5.0mm		Cái	3

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
285	Sertilac hoặc tương đương	Chất liệu: Collagen, màu trắng. Độ bền: 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày Thời gian phân hủy: 60-90 ngày. Kích thước: USP 6/0 - USP 2 Chiều dài: 45cm - 150cm. Dấu kim: Nhiều loại và kích thước khác nhau		Cái	9
286	Van động mạch chủ sinh học đủ các loại	Van DMC sinh học có giá đỡ từ heo, tiêu chuẩn FDA Chất chống canxi hóa: T6 (sodium dodecyl sulfate) giúp giảm số đa lượng canxi bám trên các lá van, độ bền van trên 20 năm Van có các cỡ 21mm đến 29mm.		Cái	2
287	Miếng đệm piedget rời hoặc tương đương	Miếng đệm tiết trùng. Chất liệu TFE polymer, kích thước: 3,2mm x 3,2mm x 1,6mm hoặc tương đương về kích thước. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	10
288	Van 2 lá sinh học đủ các số	Van hai lá sinh học có giá đỡ từ heo. Chất chống canxi hóa: T6 (sodium dodecyl sulfate) giúp giảm số đa lượng canxi bám trên các lá van, độ bền van trên 15 năm. Van có các cỡ 25mm đến 33mm.		Cái	2

PHỤ LỤC 2 : MẪU BÁO GIÁ
[TÊN CÔNG TY]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện C Đà Nẵng

Căn cứ Yêu cầu báo giá của Bệnh viện C Đà Nẵng đăng trên trang Web : bvcdn.org.vn ngày 04 tháng 3 năm 2024
Chúng tôi [TÊN CÔNG TY] xin báo giá với các nội dung cụ thể như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	..									
2	...									

(Giữ kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bản phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (2)
(Ký tên, đóng dấu)